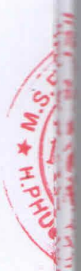


CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 35

PHIẾU KIỂM TOÁN

PHIẾU KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 03 ngày 09/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 25.200.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 03 ngày 09/01/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bế Đình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nông Văn Lạc	Tổng Giám đốc
Ông Ma Trung Lập	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Lạc Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NÔNG VĂN LẠC
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 25 tháng 09 năm 2017

Số: 164/2017/BCKT-PB.00024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 09 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

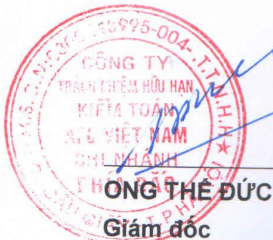
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC
Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2017

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.997.399.611	50.962.681.247
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	15.681.634.148	2.352.764.656
1. Tiền	111		15.681.634.148	2.352.764.656
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.019.689.529	24.371.359.964
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	12.834.526.705	21.427.225.412
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	3.168.148.550	585.840.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	2.851.290.727	2.256.862.717
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.05	(185.512.000)	(188.012.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		351.235.547	289.443.835
IV/ Hàng tồn kho	140	5.06	68.281.075.934	24.230.696.082
1. Hàng tồn kho	141		68.281.075.934	24.230.696.082
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		15.000.000	7.860.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	15.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	7.860.545
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.646.099.936	92.106.876.614
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		74.077.795.510	77.900.386.413
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.07	69.458.829.464	73.211.884.208
- Nguyên giá	222		228.897.031.768	223.091.913.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.438.202.304)	(149.880.028.893)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.08	4.618.966.046	4.688.502.205
- Nguyên giá	228		4.953.368.434	4.953.368.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(334.402.388)	(264.866.229)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		5.612.807.791	5.002.237.423
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.09	5.612.807.791	5.002.237.423
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		5.955.496.635	9.204.252.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	5.955.496.635	9.204.252.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.643.499.547	143.069.557.861

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		66.798.342.553	45.717.639.753
I/ Nợ ngắn hạn	310		64.266.951.553	45.717.639.753
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	170.335.651	1.108.018.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.955.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.229.704.673	1.791.853.805
4. Phải trả người lao động	314		3.703.497.360	2.425.411.540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.087.613.220	1.631.601.734
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.826.266.005	2.137.815.146
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	50.001.000.000	35.387.766.141
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.236.579.644	1.235.173.276
II/ Nợ dài hạn	330		2.531.391.000	-
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.531.391.000	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.845.156.994	97.351.918.108
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.16	121.810.156.994	97.316.918.108
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.200.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.200.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.943.264.691	3.943.264.691
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.402.479.101	53.772.537.632
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.986.262.112	15.026.262.112
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.278.151.090	6.574.853.673
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.426.836	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.230.724.254	6.574.853.673
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.000.000	35.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.643.499.547	143.069.557.861



NÔNG VĂN LẠC

Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 25 tháng 09 năm 2017

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

ĐÀM THỊ HUYỀN

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	198.444.499.913	228.045.862.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	48.611.524	61.667.619
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		198.395.888.389	227.984.195.266
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	154.371.706.028	203.844.190.752
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.024.182.361	24.140.004.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	55.903.447	92.501.823
7. Chi phí tài chính	22	6.05	2.680.797.631	3.538.618.077
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.490.223.067	3.390.645.815
8. Chi phí bán hàng	25	6.06	1.276.864.522	1.098.562.853
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.07	10.454.293.358	7.979.786.836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.668.130.297	11.615.538.571
11. Thu nhập khác	31	6.08	6.115.213.305	3.703.949.598
12. Chi phí khác	32	6.09	6.135.241.267	8.744.634.496
13. Lợi nhuận khác	40		(20.027.962)	(5.040.684.898)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.648.102.335	6.574.853.673
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.417.378.081	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.230.724.254	6.574.853.673
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	9.368	2.348
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	9.368	2.348



NÔNG VĂN LẠC
 Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 25 tháng 09 năm 2017

MÃ THỊ QUYẾT
 Kế toán trưởng

ĐÀM THỊ HUYỀN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	215.417.673.865	227.694.410.724
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(175.058.883.801)	(160.261.236.401)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.266.633.623)	(18.102.751.449)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.655.509.894)	(3.583.592.064)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.453.740.681	2.035.418.149
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.463.647.812)	(19.520.806.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.426.739.416	28.261.442.316
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.736.370.812)	(1.579.431.468)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.477.629	64.060.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.699.893.183)	(1.515.371.158)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.000.000.000	50.150.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.386.766.141)	(83.216.586.098)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.011.210.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.602.023.259	(33.066.586.098)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	13.328.869.492	(6.320.514.940)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.352.764.656	8.673.279.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.681.634.148	2.352.764.656



NÔNG VĂN LẠC
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 25 tháng 09 năm 2017

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

ĐÀM THỊ HUYỀN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 03 ngày 09/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 25.200.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 03 ngày 09/01/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân giá quyền năm. Các mặt hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ năm 2006.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ năm 2006 và giảm 50% thuế phải nộp trong 8 năm kể từ năm 2008. Năm tài chính 2016 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	271.771.857	301.045.053
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.409.862.291	2.051.719.603
Tiền gửi VND	15.408.755.831	2.048.912.311
Tiền gửi ngoại tệ	1.106.460	2.807.292
Cộng	15.681.634.148	2.352.764.656

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - CNY	332,87	1.106.460

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.2 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty CPTM&DV Song Phương			13.590.000.000	
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	131.520.000		345.320.000	
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	174.000.000		175.060.000	
Công ty khoáng sản & thương mại Tiến Hiếu			432.674.500	
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Long	565.200.000			
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	10.025.830.985	(112.680.000)	5.943.735.129	(112.680.000)
Các khách hàng khác	1.937.975.720		940.435.783	
Cộng	12.834.526.705	(112.680.000)	21.427.225.412	(112.680.000)

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH N.G Sơn Lâm			287.400.000	
Công ty cổ phần cơ điện ASO (TX Sông công - Thái nguyên)	158.000.000		74.700.000	
Trung tâm công nghệ tài nguyên nước	160.000.000		160.000.000	
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tinh nhuệ Quảng Tây	2.736.708.550			
Các khách hàng khác	113.440.000		63.740.000	
Cộng	3.168.148.550	-	585.840.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	2.178.255.000		1.522.300.000	
Phải thu Công ty TNHH Cao Cường - Tiền hàng tồn đọng	-	-	171.411.000	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	411.400.727	-	248.669.717	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	261.635.000	(72.832.000)	314.482.000	(75.332.000)
Cộng	2.851.290.727	(72.832.000)	2.256.862.717	(75.332.000)

5.5 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hà Thị Thoa	42.120.000		42.120.000	
Ngọc Thị Tuyết	70.560.000		70.560.000	
Hoàng Văn Nghiệp			2.500.000	
Nguyễn Thị Thủy	62.832.000		62.832.000	
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000		10.000.000	
Cộng	185.512.000	-	188.012.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.350.544.071	-	1.556.941.493	-
Công cụ, dụng cụ	2.326.490.090	-	2.411.832.626	-
Chi phí SXKD dở dang	101.093.900	-	45.549.214	-
Thành phẩm	64.185.110.399	-	20.091.054.104	-
Hàng hoá	171.483.531	-	98.960.756	-
Hàng gửi đi bán	146.353.943	-	26.357.889	-
Cộng	68.281.075.934	-	24.230.696.082	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẮNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	55.681.054.764	163.463.850.857	3.682.683.236	264.324.244	-	223.091.913.101
Mua trong kỳ	142.306.009	859.150.107			-	1.001.456.116
Kết chuyển từ ĐTXDCB		4.803.662.551			-	4.803.662.551
Số cuối năm	55.823.360.773	169.126.663.515	3.682.683.236	264.324.244	-	228.897.031.768
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số đầu năm	32.526.532.827	114.543.891.747	2.582.416.822	227.187.497	-	149.880.028.893
Khấu hao trong năm	2.648.702.094	6.618.783.583	285.700.234	4.987.500		9.558.173.411
Số cuối năm	35.175.234.921	121.162.675.330	2.868.117.056	232.174.997	-	159.438.202.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	23.154.521.937	48.919.959.110	1.100.266.414	37.136.747	-	73.211.884.208
Số cuối năm	20.648.125.852	47.963.988.185	814.566.180	32.149.247	-	69.458.829.464

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 34.339.517.000 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 81.370.363.848 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số đầu năm	4.835.959.343	-	-	117.409.091	-	4.953.368.434
Số cuối năm	4.835.959.343	-	-	117.409.091	-	4.953.368.434
GIÁ TRỊ HAO MÓN						
Số đầu năm	211.053.729	-	-	53.812.500	-	264.866.229
Khấu hao trong năm	52.763.432	-	-	16.772.727	-	69.536.159
Số cuối năm	263.817.161	-	-	70.585.227	-	334.402.388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	4.624.905.614	-	-	63.596.591	-	4.688.502.205
Số cuối năm	4.572.142.182	-	-	46.823.864	-	4.618.966.046

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2017 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thái	8.890	20 năm	1.055.268.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến đường thoát nước ao thái		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất tại thị xã Cao Bằng	285,6	Không thời hạn	3.157.308.000	Đã có sổ đỏ
Đất bến Xã Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xã nước thái	160	Không thời hạn	21.280.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẮNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	Số cuối năm VND
Mua sắm TSCĐ	-	5.405.151.187	4.803.662.551	-	601.488.636
Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh		5.405.151.187	4.803.662.551		601.488.636
Xây dựng cơ bản	5.002.237.423	9.081.732	-	-	5.011.319.155
Dự án Trại mía giống	442.919.903				442.919.903
Dự án khu dân cư	4.559.317.520	9.081.732			4.568.399.252
Sửa chữa lớn TSCĐ					-
	5.002.237.423	5.414.232.919	4.803.662.551	-	5.612.807.791

Handwritten notes and signatures in red ink, including a signature and a stamp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.10 Chi phí trả trước

5.10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí giống gừng trâu	15.000.000	
Cộng	15.000.000	-

5.10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	830.357.512	221.225.790
Chi phí sửa chữa	4.988.761.983	8.714.915.381
Các khoản khác	136.377.140	268.111.607
Cộng	5.955.496.635	9.204.252.778

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại Thiên Chính			127.343.700	127.343.700
Công ty CP bao bì Đồng Phú			302.832.750	302.832.750
Công ty CP CNN Tiến Nông		-	195.000.000	195.000.000
Công ty khoáng sản & thương mại Tiến Hiếu		-	382.593.750	382.593.750
Công ty TNHH N.G Sơn Lâm	152.600.000	152.600.000		-
Các nhà cung cấp khác	17.735.651	17.735.651	100.247.911	100.247.911
Cộng	170.335.651	170.335.651	1.108.018.111	1.108.018.111

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

5.12.1 Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.791.853.805	7.534.414.366	8.513.941.579	812.326.592
Thuế xuất, nhập khẩu	-	99.859.927	99.859.927	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.417.378.081		3.417.378.081
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	549.686.819	549.686.819	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.791.853.805	11.604.339.193	9.166.488.325	4.229.704.673

5.13 Chi phí phải trả

5.13.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.274.314.907	1.439.601.734
Chi phí khác	813.298.313	192.000.000
Cộng	2.087.613.220	1.631.601.734

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	354.242.633	354.242.633	344.091.756	344.091.756
Bảo hiểm xã hội	358.680.030	358.680.030	-	-
Cổ tức phải trả	69.443.800	69.443.800	654.400	654.400
Phải trả khác	2.043.899.542	2.043.899.542	1.793.068.990	1.793.068.990
Cộng	2.826.266.005	2.826.266.005	2.137.815.146	2.137.815.146

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn						
5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
1> Vay ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	28.870.000.000	28.870.000.000	28.870.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà <=>	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000
Vay cá nhân	-	-	370.000.000		370.000.000	370.000.000
2> Vay dài hạn đến hạn trả	1.000.000	1.000.000	-	6.516.766.141	6.517.766.141	6.517.766.141
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - TP Cao Bằng	1.000.000	1.000.000	-	437.755.093	438.755.093	438.755.093
Ngân hàng Phát triển tỉnh Cao Bằng	-	-	1.079.011.048		1.079.011.048	1.079.011.048
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà	-	-	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	50.001.000.000	50.001.000.000	50.000.000.000	35.386.766.141	35.387.766.141	35.387.766.141

(i) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8312LAV201600190/HBTD ngày 26 tháng 02 năm 2016 với hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để mua mía nguyên liệu, mua nguyên nhiên vật liệu khác phục vụ sản xuất và mua mía giống, phân bón, với bộ ứng trước cho người trồng mía. Thời hạn cho vay của hợp đồng không quá 12 tháng được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng tài sản của Công ty theo các hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.16.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	3.943.264.691	53.772.537.632	33.906.100.774	(18.879.838.662)	6.574.853.673	90.742.064.435					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.574.853.673	6.574.853.673					6.574.853.673
Dùng quỹ khác thuộc vốn CSH để bù lỗ lũy kế theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016	-	-	-	(18.879.838.662)	18.879.838.662	-	-					-
Số dư cuối năm trước	18.000.000.000	3.943.264.691	53.772.537.632	15.026.262.112	6.574.853.673	97.316.918.108						
Số dư đầu năm	18.000.000.000	3.943.264.691	53.772.537.632	15.026.262.112	6.574.853.673	97.316.918.108						
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	26.230.724.254	26.230.724.254						
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.629.941.469	-	(3.287.426.837)	(657.485.368)						
Chia cổ tức 2015 bằng cổ phiếu	2.160.000.000	-	-	(5.040.000.000)	(2.160.000.000)	-						
Chia cổ phiếu thưởng	5.040.000.000	-	-	-	(1.080.000.000)	-						
Chia cổ tức 2015 bằng tiền	-	-	-	-	(1.080.000.000)	(1.080.000.000)						
Số dư cuối năm	25.200.000.000	3.943.264.691	56.402.479.101	9.986.262.112	26.278.151.090	121.810.156.994						

Handwritten notes in red ink at the bottom right of the page.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nông Văn Lạc	9.702.280.000	38,50%	6.685.300.000	37,14%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.000.000.000	3,97%	1.000.000.000	5,56%
Vốn góp của cổ đông khác	14.497.720.000	58%	10.314.700.000	57%
Cộng	25.200.000.000	100%	18.000.000.000	100%

5.16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	7.200.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.200.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.240.000.000	-
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	2.160.000.000	-

5.16.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.520.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.520.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	2.520.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.520.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	2.520.000	1.800.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	198.444.499.913	228.045.862.885
Cộng	198.444.499.913	228.045.862.885

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	138.447.619.052	179.727.272.727
Cộng	138.447.619.052	179.727.272.727

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	48.611.524	61.667.619
Cộng	48.611.524	61.667.619

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	154.371.706.028	203.844.190.752
Cộng	154.371.706.028	203.844.190.752

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.477.629	64.060.310
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.425.818	28.441.513
	55.903.447	92.501.823

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.490.223.067	3.390.645.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.429.777	31.838.219
Chi phí tài chính khác	181.144.787	116.134.043
Cộng	2.680.797.631	3.538.618.077

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	189.171.243	159.181.037
Chi phí khấu hao TSCĐ	128.180.364	128.180.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	714.798.523	665.125.533
Chi phí bằng tiền khác	244.714.392	146.075.919
Cộng	1.276.864.522	1.098.562.853

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.037.919.341	1.668.708.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	347.341.572	333.818.627
Chi phí khấu hao TSCĐ	641.578.593	814.442.076
Thuế, phí và lệ phí	552.686.819	889.953.712
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.500.000)	(87.660.770)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.032.796.789	1.095.582.678
Chi phí bằng tiền khác	313.079.244	3.264.942.251
Trích quỹ khoa học công nghệ	2.531.391.000	-
Cộng	10.454.293.358	7.979.786.836

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán phân bón, mía giống, bã bùn	5.970.015.782	3.676.179.770
Thu bán phế liệu	145.197.523	27.769.828
Cộng	6.115.213.305	3.703.949.598

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống, thuốc diệt cỏ, vôi bột	5.892.965.740	3.496.789.328
Chi phí xử lý xóa nợ khó đòi và tài sản không thu hồi được		727.961.794
Chi phí hỗ trợ người lao động cho nghỉ việc do không sắp xếp được việc làm		4.282.750.083
Các khoản khác	242.275.527	237.133.291
Cộng	6.135.241.267	8.744.634.496

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.648.102.335	6.574.853.673
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	131.314.532	5.139.806.422
Các khoản điều chỉnh tăng	131.314.532	5.139.806.422
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>131.314.532</i>	<i>5.139.806.422</i>
Các khoản lỗ được kết chuyển	(6.996.896.327)	(11.714.660.095)
Thu nhập tính thuế TNDN	22.782.520.540	-
Trong đó,		
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế suất 15%	22.782.520.540	
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	4.556.504.108	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	1.139.126.027	-
Thuế TNDN được giảm do ưu đãi thuế suất 15%	1.139.126.027	-
Thuế TNDN được giảm 50%	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	3.417.378.081	-

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	26.230.724.254	6.574.853.673
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	26.230.724.254	6.574.853.673
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.623.072.425)	(657.485.368)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.520.000	2.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.368	2.348

Do trong năm tài chính 2016, Công ty CP Mía đường Cao Bằng thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu là 720.000 cổ phiếu tương ứng giá trị là 7.200.000.000 đồng.
 Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước được điều chỉnh hồi tố để phù hợp so sánh với số liệu năm nay từ đó ảnh hưởng đến giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	26.230.724.254	6.574.853.673
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	26.230.724.254	6.574.853.673
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.623.072.425)	(657.485.368)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.520.000	2.520.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.368	2.348

Do trong năm tài chính 2016, Công ty CP Mía đường Cao Bằng thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu là 720.000 cổ phiếu tương ứng giá trị là 7.200.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước được điều chỉnh hồi tố để phù hợp so sánh với số liệu năm nay từ đó ảnh hưởng đến giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước.

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	21.030.903.949	16.989.589.002
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.016.222.742	142.611.960.582
Chi phí công cụ dụng cụ	10.933.915.661	10.509.731.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.627.709.570	9.405.591.827
Thuế, phí, lệ phí	552.686.819	889.953.712
Chi phí dự phòng	2.528.891.000	(87.660.770)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.162.034.740	3.380.810.669
Chi phí khác bằng tiền	3.994.827.660	3.594.789.639
Cộng	208.847.192.141	187.294.765.970

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.000.000.000	50.150.000.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	35.386.766.141	83.216.586.098

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Số cuối năm				
Vay và nợ	50.001.000.000	-	-	50.001.000.000
Phải trả người bán	170.335.651	-	-	170.335.651
Chi phí phải trả	2.087.613.220	-	-	-
Phải trả khác	2.826.266.005	-	-	2.826.266.005
Cộng	55.085.214.876	-	-	52.997.601.656
Số đầu năm				
Vay và nợ	35.387.766.141	-	-	35.387.766.141
Phải trả người bán	1.108.018.111	-	-	1.108.018.111
Chi phí phải trả	1.631.601.734	-	-	-
Phải trả khác	2.137.815.146	-	-	2.137.815.146
Cộng	40.265.201.132	-	-	38.633.599.398

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Số cuối năm		Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số đầu năm	Giá gốc VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.681.634.148		2.352.764.656		15.681.634.148	2.352.764.656
Phải thu khách hàng	12.834.526.705	(112.680.000)	21.427.225.412	(112.680.000)	12.721.846.705	21.314.545.412
Phải thu khác	2.851.290.727	(72.832.000)	2.256.862.717	(75.332.000)	2.778.458.727	2.181.530.717
	31.367.451.580	(185.512.000)	26.036.852.785	(188.012.000)	31.181.939.580	25.848.840.785
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	50.001.000.000		35.387.766.141		50.001.000.000	35.387.766.141
Phải trả người bán	170.335.651		1.108.018.111		170.335.651	1.108.018.111
Chi phí phải trả	2.087.613.220		1.631.601.734		2.087.613.220	1.631.601.734
Phải trả khác	2.826.266.005		2.137.815.146		2.826.266.005	2.137.815.146
	55.085.214.876	-	40.265.201.132	-	55.085.214.876	40.265.201.132

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 01 tháng 07 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2017 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền VND
Tiền lương của Ban điều hành, Hội đồng quản trị, BKS	950.660.018

9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	Cổ đông lớn	Bán sản phẩm đường	138.447.619.052

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

9.2 Thông tin về bộ phận

Trong năm tài chính, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán kinh doanh sản phẩm đường trong lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NÔNG VĂN LẠC

Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 25 tháng 09 năm 2017

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

ĐÀM THỊ HUYỀN

Người lập biểu